

Số: 324 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 23 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt phương án đơn giản hoá 06 thủ tục hành chính nội bộ của các cơ quan hành chính nhà nước trong lĩnh vực Tư pháp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 3973/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ của các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Bình Định giai đoạn 2022 - 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 10/TTr-STP ngày 14 tháng 01 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án đơn giản hoá 06 thủ tục hành chính nội bộ của các cơ quan hành chính nhà nước trong lĩnh vực Tư pháp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp (*Phụ lục đính kèm*).

Điều 2. Giao Sở Tư pháp chủ trì, thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ tại Phụ lục kèm theo Quyết định này, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành.

Điều 3. Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- Bộ Tư pháp;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐ VP UBND tỉnh;
- TT TH-CB, TT PVHCC, P. HC-TC;
- Lưu: VT, KSTT^(C).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Hải Giang

Phụ lục

PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA 06 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CỦA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TRONG LĨNH VỰC TƯ PHÁP THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP

(Ban hành theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên thủ tục hành chính	Phân loại theo TTHC nội bộ	Nội dung đơn giản hóa	Kiến nghị thực thi	Lợi ích phương án đơn giản hóa
1.	Cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật	TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước (TTHC nội bộ cấp tỉnh)	<p>- Về thời hạn giải quyết: Đề nghị cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục được công bố tại Quyết định số 3680/QĐ-UBND ngày 22/10/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh từ 15 ngày làm việc xuống còn 12 ngày làm việc (giảm 03 ngày làm việc).</p> <p>- Lý do: Qua quá trình giải quyết thủ tục hành chính, thời gian 15 ngày làm việc là còn dài so với thực tế. Nhằm tạo điều kiện thuận lợi, giảm thời gian và tiết kiệm chi phí cho cơ quan, đơn vị thực hiện thủ tục hành chính, đề nghị cắt giảm khoảng thời gian này từ 15 ngày làm việc xuống còn 12 ngày làm việc.</p>	<p>Theo quy định tại khoản 1 Điều 7 của Quyết định số 24/2017/QĐ-UBND ngày 06/7/2017 của UBND tỉnh như sau: “Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ văn bản do Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh và Văn phòng UBND tỉnh cung cấp, Sở Tư pháp phải thực hiện việc cập nhật, đăng tải văn bản trên cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật”.</p> <p>Đề nghị sửa đổi nội dung tại khoản 1 Điều 7 của Quyết định số 24/2017/QĐ-UBND ngày 06/7/2017 của UBND tỉnh như sau: “Trong thời hạn 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ văn bản do Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh và Văn phòng UBND tỉnh cung cấp, Sở Tư pháp phải thực hiện việc cập nhật, đăng tải văn bản trên cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật”.</p>	<p>- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa ước tính: 11.009.115 đồng/năm</p> <p>- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa ước tính: 8.834.475 đồng/năm.</p> <p>- Chi phí tiết kiệm ước tính: 2.174.640 đồng/năm.</p> <p>- Tỷ lệ cắt giảm chi phí ước tính: 20 %.</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Phân loại theo TTHC nội bộ	Nội dung đơn giản hóa	Kiến nghị thực thi	Lợi ích phương án đơn giản hóa
2.	Rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền, xử lý/kiến nghị xử lý kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật (cấp tỉnh)	TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước (TTHC nội bộ cấp tỉnh)	<p>- Về thời hạn giải quyết: Thời gian giải quyết thủ tục được công bố tại Quyết định số 4145/QĐ-UBND ngày 29/11/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh KHÔNG quy định thời gian.</p> <p>- Nhằm công khai thời gian tạo điều kiện thuận lợi và tiết kiệm chi phí cho cơ quan, đơn vị thực hiện thủ tục hành chính, đề nghị bổ sung quy định về thời gian cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản và cơ quan, đơn vị rà soát hoàn thiện hồ sơ trên cơ sở ý kiến góp ý để trình Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các cấp xem xét, quyết định xử lý (10 ngày làm việc).</p>	<p>Theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 153 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định “2. <i>Cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản, trong đó nêu rõ nội dung nhất trí, nội dung không nhất trí và lý do hoặc ý kiến khác.</i></p> <p>3. <i>Cơ quan, đơn vị rà soát hoàn thiện hồ sơ trên cơ sở ý kiến góp ý để trình Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các cấp xem xét, quyết định xử lý</i>”.</p> <p>Đề nghị sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 và khoản 3 Điều 153 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP của Chính phủ như sau</p>	<p>- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa ước tính: 110.744.200 đồng/năm</p> <p>- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa ước tính: 74.500.200 đồng/năm.</p> <p>- Chi phí tiết kiệm ước tính: 36.244.000 đồng/năm.</p> <p>- Tỷ lệ cắt giảm chi phí ước tính: 33%.</p>
3.	Rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền, xử lý/kiến nghị xử lý kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật (cấp huyện)	TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước (TTHC nội bộ cấp huyện)	<p>- Về thời hạn giải quyết: Thời gian giải quyết thủ tục được công bố tại Quyết định số 4145/QĐ-UBND ngày 29/11/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh KHÔNG quy định thời gian.</p> <p>- Nhằm công khai thời gian tạo điều kiện thuận lợi và tiết kiệm chi phí cho cơ quan, đơn vị thực hiện thủ tục hành chính, đề nghị bổ sung quy định về thời gian cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản và cơ quan, đơn vị rà soát hoàn thiện hồ sơ trên cơ sở ý kiến góp ý để trình Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các cấp xem xét, quyết định xử lý (10 ngày làm việc).</p>	<p>“2. <i>Trong thời hạn 05 ngày làm việc</i>, cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản, trong đó nêu rõ nội dung nhất trí, nội dung không nhất trí và lý do hoặc ý kiến khác.</p> <p>3. <i>Trong thời hạn 05 ngày làm việc</i>, cơ quan, đơn vị rà soát hoàn thiện hồ sơ trên cơ sở ý kiến góp ý để trình Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các cấp xem xét, quyết</p>	<p>- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa ước tính: 110.744.200 đồng/năm</p> <p>- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa ước tính: 74.500.200 đồng/năm.</p> <p>- Chi phí tiết kiệm ước tính: 36.244.000 đồng/năm.</p> <p>- Tỷ lệ cắt giảm chi phí</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Phân loại theo TTHC nội bộ	Nội dung đơn giản hóa	Kiến nghị thực thi	Lợi ích phương án đơn giản hóa
				<i>định xử lý</i> ".	ước tính: 33%.
4.	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức Trợ giúp viên pháp lý hạng I		<p>- Đề xuất cắt giảm thành phần hồ sơ: “<i>Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (được sửa đổi theo quy định tại điểm c khoản 38 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP)</i>”</p>	<p>a) Kiến nghị bãi bỏ thành phần hồ sơ</p> <p>Theo quy định tại khoản 1 Điều 04 Thông tư số 09/2024/TT-BTP ngày 06/9/2024 của Bộ Trưởng Bộ Tư pháp: Giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý bao gồm:</p>	
5.	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức Trợ giúp viên pháp lý hạng II	TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước (TTHC nội bộ cấp tỉnh)	<p>Lý do: Hiện tại, tất cả hồ sơ của cán bộ, công chức, viên chức đều được quản lý trên hệ thống cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức tại địa chỉ: https://quanlycbccvc.binhdingh.gov.vn/. Do vậy, đơn vị sử dụng viên chức có thể tiến hành tra cứu hồ sơ lưu tại cơ quan hoặc trên phần mềm để tiến hành kiểm tra, lập danh sách viên chức đủ điều kiện xét thăng hạng mà không cần thiết phải yêu cầu viên chức phô tô, chứng thực sơ yếu lý lịch nộp lại cho cơ quan, nhằm giảm thời gian, công</p>	<p>a) <i>Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (được sửa đổi theo quy định tại điểm c khoản 38 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP)</i>;</p> <p>b) Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (được sửa đổi theo quy định tại điểm c khoản 38 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP) theo Mẫu số 01-TP-TGPL ban hành kèm theo Thông tư này;</p> <p>c) Văn bản xác nhận vụ việc tham gia tố</p>	<p>- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 87381.162 đồng/năm</p> <p>- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 65.511.030 đồng/năm.</p> <p>- Chi phí tiết kiệm: 21.870.132 đồng/năm.</p> <p>- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 25,03 %.</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Phân loại theo TTHC nội bộ	Nội dung đơn giản hóa	Kiến nghị thực thi	Lợi ích phương án đơn giản hóa
			<p>sức, chi phí cho viên chức. Thay cho việc viên chức phải nộp hồ sơ xét thăng hạng thì Đơn vị sử dụng viên chức sẽ rà soát hồ sơ, yêu cầu, điều kiện và lập danh sách viên chức đủ điều kiện xét thăng hạng gửi cơ quan có thẩm quyền và chịu trách nhiệm về danh sách đó.</p> <p>- Về thời hạn giải quyết: Đề nghị bổ sung thời hạn giải quyết tại bước Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định đối với viên chức dự xét thăng hạng: 10 ngày làm việc sau khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ</p> <p>Lý do: Tại khoản 5 Điều 40 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 được bổ sung bởi khoản 21 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 và tại Điều 42 Nghị định số</p>	<p>tụng thành công theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 5 hoặc điểm d khoản 2 Điều 6 Thông tư số 05/2022/TT-BTP;</p> <p>d) Bản sao quyết định tuyển dụng, quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý;</p> <p>đ) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu: Trường hợp xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý hạng I thực hiện theo quy định tại Điều 4 và điểm e khoản 2 Điều 5 Thông tư số 05/2022/TT-BTP; Trường hợp xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý hạng II thực hiện theo quy định tại Điều 4 và điểm e khoản 2 Điều 6 Thông tư số 05/2022/TT-BTP;</p> <p>e) Bản sao quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền (nếu có).</p> <p>Đề nghị bãi bỏ điểm a khoản 1 Điều 04, Thông tư số 09/2024/TT-BTP ngày 06/9/2024 của Bộ Trưởng Bộ Tư pháp: Giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý như sau:</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Phân loại theo TTHC nội bộ	Nội dung đơn giản hóa	Kiến nghị thực thi	Lợi ích phương án đơn giản hóa
			<p>115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 22 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP của Chính phủ chỉ quy định thời gian thực hiện đối với việc thông báo kết quả và bổ nhiệm xếp lương viên chức trúng tuyển, chưa quy định đầy đủ, cụ thể thời gian thực hiện đối với bước Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định đối với viên chức dự xét thăng hạng.</p>	<p>a) Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (được sửa đổi theo quy định tại điểm c khoản 38 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP) theo Mẫu số 01-TP-TGPL ban hành kèm theo Thông tư này;</p> <p>b) Văn bản xác nhận vụ việc tham gia tố tụng thành công theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 5 hoặc điểm d khoản 2 Điều 6 Thông tư số 05/2022/TT-BTP;</p> <p>c) Bản sao quyết định tuyển dụng, quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý;</p> <p>d) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu: Trường hợp xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý hạng I thực hiện theo quy định tại Điều 4 và điểm e khoản 2 Điều 5 Thông tư số 05/2022/TT-BTP; Trường hợp xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý hạng II thực hiện theo quy</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Phân loại theo TTHC nội bộ	Nội dung đơn giản hóa	Kiến nghị thực thi	Lợi ích phương án đơn giản hóa
				<p>định tại Điều 4 và điểm e khoản 2 Điều 6 Thông tư số 05/2022/TT-BTP;</p> <p>e) Bản sao quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền (nếu có).</p> <p>b) Kiến nghị bổ sung về thời hạn giải quyết: Đề nghị bổ sung tại Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về thời hạn giải quyết tại bước Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định đối với viên chức dự xét thăng hạng: 10 ngày làm việc sau khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	
6.	Xét thăng hạng chức danh Hỗ trợ nghiệp vụ hạng II	TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước (TTHC nội bộ cấp tỉnh)	<p>- Đề xuất cắt giảm thành phần hồ sơ: <i>“Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức”</i></p> <p>Lý do: Hiện tại, tất cả hồ sơ của cán bộ, công chức, viên chức đều được quản lý trên hệ thống cơ sở dữ liệu cán bộ,</p>	<p>a) Kiến nghị bãi bỏ thành phần hồ sơ</p> <p>Theo quy định tại Điều 36, Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ: Hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp bao gồm:</p> <p><i>1. Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận</i></p>	<p>- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa ước tính: 145.635.270 đồng/năm</p> <p>- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa ước tính: 109.185.050 đồng/năm.</p> <p>- Chi phí tiết kiệm ước tính: 36.450.220 đồng/năm.</p> <p>- Tỷ lệ cắt giảm chi phí</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Phân loại theo TTHC nội bộ	Nội dung đơn giản hóa	Kiến nghị thực thi	Lợi ích phương án đơn giản hóa
			<p>công chức, viên chức tại địa chỉ: https://quanlycbccvc.binhdingh.gov.vn/. Do vậy, đơn vị sử dụng viên chức có thể tiến hành tra cứu hồ sơ lưu tại cơ quan hoặc trên phần mềm để tiến hành kiểm tra, lập danh sách viên chức đủ điều kiện xét thăng hạng mà không cần thiết phải yêu cầu viên chức phô tô, chứng thực sơ yếu lý lịch nộp lại cho cơ quan, nhằm giảm thời gian, công sức, chi phí cho viên chức. Thay cho việc viên chức phải nộp hồ sơ xét thăng hạng thì Đơn vị sử dụng viên chức sẽ rà soát hồ sơ, yêu cầu, điều kiện và lập danh sách viên chức đủ điều kiện xét thăng hạng gửi cơ quan có thẩm quyền và chịu trách nhiệm về danh sách đó.</p> <p>- Về thời hạn giải quyết: Đề nghị bổ sung thời hạn giải quyết tại bước Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề</p>	<p><i>của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;</i></p> <p>2. Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;</p> <p>3. Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng;</p> <p>Trường hợp viên chức có bằng tốt nghiệp chuyên môn đã chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học theo quy định mà tương ứng với yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ, tin học;</p> <p>Trường hợp viên chức được miễn thi môn ngoại ngữ, môn tin học quy định tại khoản 6 và khoản 7 Điều 39 Nghị định này thì được miễn chứng chỉ</p>	<p>ước tính: 25,03 %.</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Phân loại theo TTHC nội bộ	Nội dung đơn giản hóa	Kiến nghị thực thi	Lợi ích phương án đơn giản hóa
			<p>nghiệp đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định đối với viên chức dự xét thăng hạng: 10 ngày làm việc sau khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ</p> <p>Lý do: Tại khoản 5 Điều 40 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 được bổ sung bởi khoản 21 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 và tại Điều 42 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 22 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP của Chính phủ chỉ quy định thời gian thực hiện đối với việc thông báo kết quả và bổ nhiệm xếp lương viên chức trúng tuyển, chưa quy định đầy đủ, cụ thể thời gian thực hiện đối với bước Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện theo</p>	<p>ngoại ngữ, chứng chỉ tin học;</p> <p>4. Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng.</p> <p>Đề nghị bãi bỏ khoản 1 Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ, cụ thể như sau:</p> <p>Hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định; 2. Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng; <p>Trường hợp viên chức có bằng tốt</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Phân loại theo TTHC nội bộ	Nội dung đơn giản hóa	Kiến nghị thực thi	Lợi ích phương án đơn giản hóa
			quy định đối với viên chức dự xét thăng hạng.	<p>nghiệp chuyên môn đã chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học theo quy định mà tương ứng với yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ, tin học;</p> <p>Trường hợp viên chức được miễn thi môn ngoại ngữ, môn tin học quy định tại khoản 6 và khoản 7 Điều 39 Nghị định này thì được miễn chứng chỉ ngoại ngữ, chứng chỉ tin học;</p> <p>3. Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng.</p> <p>b) Kiến nghị bổ sung quy định về thời hạn giải quyết: Đề nghị bổ sung tại Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về thời hạn giải quyết tại bước Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định đối với viên chức dự xét thăng hạng: 10 ngày làm việc sau khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	
Tổng cộng: 06 TTHC					